

CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TỰ NGUYỆN Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY

DƯƠNG CHÍ THIÊN*

1. THỰC TRẠNG CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TỰ NGUYỆN Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Khái quát

Nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy, trong hầu hết các cộng đồng dân cư ở nông thôn, bên cạnh các tổ chức chính trị - xã hội (do Nhà nước chính thức thành lập và đầu tư), đang tồn tại hoạt động của các Tổ chức xã hội mang tính chất tự nguyện (do người dân tự nguyện thành lập), phi lợi nhuận, có mục đích/mục tiêu xác định cụ thể, có hệ thống tổ chức và mạng lưới, có nguồn lực (vật chất, tài chính, con người), và thực hiện các hoạt động cụ thể trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề của quá trình phát triển và quản lý xã hội ở cộng đồng dân cư tại các vùng nông thôn Việt Nam.

Các Tổ chức xã hội tự nguyện là một bộ phận tất yếu của sự phát triển xã hội nói chung và các hoạt động của nó nhằm bổ sung, hoàn thiện và lấp đầy các “khoảng trống” mà hệ thống các Tổ chức của Nhà nước chưa thể hoặc không thể vươn tới được. Tuy nhiên, về số lượng, loại hình và các hoạt động của các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn hiện nay rất đa dạng, phong phú và rất khác nhau, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, văn hoá ... cụ thể của từng địa phương, từng vùng.

1.2. Phân loại

Các Tổ chức xã hội tự nguyện với rất nhiều tên gọi, qui mô, tính chất ... khác nhau. Mỗi Tổ chức xã hội đều có những tôn chỉ/mục đích và nội dung hoạt động khác nhau. Căn cứ vào mục đích và nội dung các hoạt động chủ yếu của các Tổ chức xã hội tự nguyện tại cộng đồng nông thôn, có thể phân loại các Tổ chức xã hội tự nguyện thành một số loại hình chủ yếu như sau:

1 - Chủ yếu mang tính chất trợ giúp về tình cảm là chính. Ví dụ như: Hội Đồng niên, họ hàng dòng họ; Hội Đồng ngũ, Hội Cựu quân nhân, Hội Quan bác, Hội Kèn trống, Hội Làm dâu thiên hạ, ...

* TS. Viện Xã hội học.

2 - Chủ yếu mang tính chất nghề nghiệp hoặc trợ giúp nhau về kinh tế (vật chất) là chính. Ví dụ như: Hội Bát họ; phường Vàng, phường Tiền, phường Thóc, Hội Sinh vật cảnh, Hội Nuôi ong, Hội Cây thuê, Hội Đi làm thuê, Hội Làm trang trại, Hội Trồng rau, Hội Làm vườn, Hội Buôn bán cá, Hội Thủy sản, Hội Chăn nuôi, Hội Đi chợ, Hội Nghề truyền thống (thường có ở các làng nghề truyền thống), ...

3 - Chủ yếu trợ giúp và giúp đỡ nhau về lĩnh vực phát triển giáo dục là chính. Ví dụ như: Hội Khuyến học, Dòng họ khuyến học, Hội Cựu giáo chức, Hội Cha mẹ học sinh, Hội Hướng đạo sinh ...

4 - Chủ yếu mang tính chất bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị và các bộ môn văn hóa truyền thống, mang tính chất vui chơi giải trí đối với từng nhóm dân cư. Ví dụ như các loại câu lạc bộ: Thơ ca, Văn nghệ truyền thống (hát chèo, hát quan họ, hát chầu văn, hát ví dặm, hát xoan, đàn ca tài tử, dân ca vọng cổ, hát lý Nam bộ ...), các loại câu lạc bộ như: Cờ tướng/Cờ quốc tế, Chọi gà, Chơi chim/Chọi chim, Chơi cây cảnh, Chơi cá cảnh ...

5 - Chủ yếu mang tính rèn luyện sức khỏe, chữa bệnh bằng phương pháp Đông y, Tây y. Ví dụ như: Hội Chũ thập đỏ, Hội Y học cổ truyền, Hội Thể dục thể thao chữa bệnh, ... Các loại hình câu lạc bộ như: Dưỡng sinh, Cầu lông, Bóng bàn, Xe đạp thể thao, ...

6 - Chủ yếu gắn với các hoạt động và lễ nghi tôn giáo. Ví dụ như các Hội đoàn tôn giáo tín ngưỡng khác nhau, bao gồm: Hội Vãi, Hội Đình, Hội Đền, Hội Giáo đoàn, ...

7 - Chủ yếu gắn với các hoạt động từ thiện (hỗ trợ, cứu trợ khi gặp rủi ro, hoạn nạn). Ví dụ như: Hội Chũ thập đỏ, Hũ gạo cứu đói, Hũ gạo tình thương, ...

8 - Chủ yếu gắn với các hoạt động của dòng họ, gia đình. Ví dụ như các dòng họ lớn, các gia đình có truyền thống (gia giáo, hiếu học, thành đạt ...).

Trên thực tế, không thể có tất cả các Tổ chức xã hội tự nguyện cùng một lúc đều tồn tại và phát triển trong một cộng đồng dân cư ở nông thôn. Ngược lại, không thể có một Tổ chức xã hội tự nguyện tồn tại và hoạt động nhằm đáp ứng được tất cả các nhu cầu trong các lĩnh vực của đời sống cộng đồng dân cư ở nông thôn. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trong một cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện nay, tùy theo từng điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH), văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng ... của mỗi cộng đồng, đã hình thành và xuất hiện một số lượng nhất định các Tổ chức xã hội tự nguyện cụ thể nào đó, nhằm đáp ứng được phần nào

nhu cầu phát triển và quản lý sự phát triển KT-XH, văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, tôn giáo và tín ngưỡng ... của cộng đồng dân cư đó.

1.3. Hệ thống và mạng lưới tổ chức

Hệ thống và mạng lưới tổ chức của các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn hiện nay có sự khác nhau khá rõ về qui mô, số lượng thành viên tham gia, và phạm vi hoạt động. Mặt khác hệ thống và mạng lưới tổ chức của các Tổ chức xã hội tự nguyện có thể bao phủ ở nhiều cấp độ khác nhau, từ cấp cộng đồng dân cư tại thôn/bản/buôn/ấp đến cấp xã, huyện, tỉnh, khu vực hoặc toàn quốc. Những sự khác biệt đó xuất phát từ các yếu tố chính như: Mục đích/mục tiêu và nội dung hoạt động; Các nguồn lực (vật chất, kinh tế, tài chính và con người); Đặc điểm riêng ... của từng Tổ chức xã hội tự nguyện.

Ví dụ như: Hội Đồng niên chỉ bao gồm một số lượng những người cùng sinh trong một năm nào đó. Mục đích hoạt động của hội Đồng niên thường là hỗ trợ và giúp đỡ, thăm hỏi lẫn nhau giữa các thành viên, nếu có thành viên gặp rủi ro trong cuộc sống. Mỗi năm có thể gặp mặt nhau một lần hoặc vài lần tùy theo điều kiện cụ thể đặt ra. Số lượng thành viên của Hội Đồng niên trong mỗi cộng đồng thường chỉ giới hạn trong số lượng nhỏ những người sinh cùng một năm. Hoạt động của Hội Đồng niên dựa trên sự đóng góp tự nguyện của các thành viên, tùy theo điều kiện kinh tế của mỗi người. ... Chính vì vậy, hoạt động của Hội Đồng niên chỉ giới hạn ở phạm vi và cấp độ cộng đồng nhỏ (thôn/làng/ấp), và qui mô, mạng lưới tổ chức cũng rất nhỏ.

Mặt khác, Hội Chữ thập đỏ thường bao gồm tất cả những người dân tự nguyện tham gia hội, với mục đích làm từ thiện, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa tất cả mọi người trong cộng đồng nếu có ai đó gặp rủi ro, nghèo khó, ốm đau và bệnh tật ... cần có sự giúp đỡ trực tiếp và gián tiếp. Số lượng thành viên bao gồm tất cả những người trong và ngoài cộng đồng (các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, cơ sở tôn giáo v.v...) đều có thể tham gia. Chính vì vậy, hoạt động của Hội Chữ thập đỏ chắc chắn sẽ đa dạng và phong phú hơn, qui mô và mạng lưới tổ chức và hoạt động không chỉ bó hẹp trong một cộng đồng, mà có thể vươn ra các cộng đồng khác lớn hơn (cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia).

Hệ thống và mạng lưới tổ chức của các Tổ chức xã hội tự nguyện thường hoạt động dựa trên cơ sở của hệ thống mạng lưới của những người có uy tín, có trách nhiệm, có năng lực và kinh nghiệm, có quan hệ xã hội, có chuyên môn và nghiệp vụ ở mức độ nhất định - được gọi là hệ

thống mạng lưới những người làm **“Công tác xã hội”**. Chính mạng lưới này được xem như là những cá nhân nòng cốt trong việc tổ chức và thực hiện có hiệu quả các hoạt động của Tổ chức xã hội tự nguyện.

1.4. Các nguồn lực

Các nguồn lực của Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng dân cư nông thôn bao gồm:

- Nguồn lực con người: là sự đóng góp về công sức, trách nhiệm, ý kiến và các mối quan hệ xã hội ... vào các hoạt động của Tổ chức xã hội đó, song không được trả công/trả lương.

- Nguồn lực tài chính: là sự đóng góp về tiền bạc, ngân quỹ ... để hình thành một “quỹ tài chính” dành chi tiêu cho các hoạt động của Tổ chức xã hội đó.

- Nguồn lực vật chất: là sự đóng góp về cơ sở vật chất như các trang thiết bị, đồ dùng, thậm chí có cả nhà cửa, đất đai... vào các hoạt động của Tổ chức xã hội đó.

Các nguồn lực chủ yếu của các Tổ chức xã hội tự nguyện dựa trên sự đóng góp, hỗ trợ, giúp đỡ và ủng hộ tự nguyện từ nhiều nguồn khác nhau, ví dụ như sự đóng góp của các thành viên; sự hỗ trợ và ủng hộ của các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh - dịch vụ, các Tổ chức xã hội khác, các cá nhân (mạnh thường quân), và thậm chí một phần các nguồn lực có thể được hỗ trợ từ phía chính quyền Nhà nước các cấp.

Việc quản lý, sử dụng và phân phối các nguồn lực trên đều dựa trên nguyên tắc “tự quản, tự chi - thu, tự chịu trách nhiệm” của từng Tổ chức xã hội tự nguyện. Để hoạt động, các Tổ chức xã hội tự nguyện phải tự huy động và tự trang trải các nguồn lực, và không được lấy từ Ngân sách nhà nước. Các nguyên tắc quản lý, sử dụng và phân phối các nguồn lực nói trên được các thành viên trong Tổ chức xã hội tự nguyện thảo luận, bàn bạc và thông qua một cách dân chủ. Các qui tắc quản lý, sử dụng và phân phối các nguồn lực trên có thể được thể hiện thành văn bản, hoặc không được thể hiện bằng văn bản.

2. TRIỂN VỌNG CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TỰ NGUYỆN

2.1. Các thuận lợi cơ bản

- Trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước ta đã đặt vấn đề phát triển các Tổ chức xã hội tự nguyện trong bối cảnh đất nước đang hướng đến mục tiêu *“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”*,

có thể xem đó là môi trường rất thuận lợi về thể chế và chính sách để phát triển các Tổ chức xã hội tự nguyện.

- Cùng với quá trình phát triển KT-XH chung của đất nước, ngày có nhiều người dân đã tự nguyện và tích cực tham gia nhiều hơn vào hoạt động của các Tổ chức xã hội tự nguyện ở nông thôn. Họ có điều kiện hơn để đóng góp các nguồn lực vào hoạt động của các Tổ chức xã hội tự nguyện mà họ tham gia.

2.2. Một số khó khăn

2.2.1. Mở rộng thêm các hoạt động, trong khi chưa đủ các điều kiện cần thiết để các hoạt động đó có hiệu quả thiết thực

Nhìn chung, khi mới ra đời, các Tổ chức xã hội tự nguyện đều có những mục tiêu/mục đích xã hội cụ thể, đưa ra các hoạt động thiết thực và phù hợp với đặc điểm, điều kiện KT - XH, văn hoá ... của từng cộng đồng và ở từng thời điểm. Từ đó, hoạt động của các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn đã có những hiệu quả to lớn trên nhiều lĩnh vực đối với phát triển xã hội và quản lý xã hội ở cộng đồng nông thôn những năm gần đây. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động và phát triển, một số Tổ chức xã hội tự nguyện đã mở rộng, bổ sung và tăng thêm các mục tiêu/mục đích khác, từ đó mở rộng thêm các hoạt động trong khi chưa đủ những điều kiện về nguồn lực, mạng lưới tổ chức ... Từ đó các hoạt động rất khó khăn hoặc dễ rơi vào tình trạng “*hình thức*”, “*làm theo kiểu phong trào*”... thiếu tính “*hiệu quả*” thiết thực đối với sự phát triển của cá nhân và cộng đồng. Chính vì vậy, đã có một số Tổ chức xã hội tự nguyện ra đời, nhưng hầu như không hoạt động được, hoặc mở ra thêm các hoạt động mới, nhưng không làm được đến nơi, đến chốn.

Ví dụ như Hội Bảo thọ do những người cao tuổi trong một thôn hoặc một xã thành lập, với mục tiêu ban đầu là thăm hỏi và chia sẻ tình cảm lẫn nhau khi một thành viên gặp ốm đau, bệnh tật hoặc qua đời, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh KT - XH, văn hoá và sức khoẻ của những người cao tuổi, trong phạm vi một thôn hoặc một xã. Nhưng trong quá trình phát triển, Hội đã mở rộng thêm một số mục tiêu khác, cụ thể là hỗ trợ và giúp đỡ nhau về kinh tế, như sử dụng quỹ hội để cho những người cao tuổi vay vốn sản xuất kinh doanh. Trong khi quỹ vốn của hội rất hạn hẹp, sức khoẻ của người cao tuổi càng ngày càng giảm sút và ốm đau, bệnh tật có thể xảy ra bất cứ lúc nào ... Cho nên, nhiều hiện tượng xảy ra mất vốn khi cho vay, nếu người vay không có khả năng trả nợ. Mặt khác,

trong trường hợp như vậy xảy ra thì chính việc cho hội viên vay vốn này đã làm gia tăng thêm gánh nặng nợ nần cho hội viên của mình.

Việc mở rộng thêm các mục tiêu hoạt động mới của Tổ chức xã hội tự nguyện, có thể được xem như một bài học kinh nghiệm về hạn chế, khó khăn, thách thức lớn đối với sự phát triển của các Tổ chức xã hội tự nguyện ở nông thôn, và từ đó làm hạn chế các hoạt động, vai trò và những đóng góp của các Tổ chức xã hội tự nguyện đối với sự phát triển xã hội và quản lý xã hội nói chung.

2.2.2. Tổ chức, mạng lưới, qui mô và phạm vi bao phủ còn nhỏ hẹp

Các Tổ chức xã hội tự nguyện ở nông thôn thường là các Tổ chức xã hội *“phi chính thức”*- do một nhóm người dân tự nguyện thành lập, không hoặc chưa được Nhà nước chính thức ra quyết định/cấp giấy phép,... Vì thế, hệ thống tổ chức, mạng lưới, qui mô và phạm vi hoạt động chủ yếu chỉ trong địa bàn cộng đồng dân cư nhỏ ở nông thôn (như giới hạn trong một thôn/làng hoặc trong xã). Có rất ít các Tổ chức xã hội tự nguyện có mạng lưới, qui mô và phạm vi hoạt động ở cấp tỉnh/thành phố, hoặc toàn quốc. Điều này đã hạn chế rất nhiều sự đóng góp và phát huy vai trò của các Tổ chức xã hội tự nguyện trong sự phát triển và quản lý xã hội.

Thực tế cho thấy, Hội Đồng môn, hội Đồng niên, Hội Làm dâu trăm họ, Hội Làm thuê ... ở một số địa phương chỉ có số lượng hội viên khoảng dưới 20 người, phạm vi hoạt động chỉ nằm gọn trong một thôn, và các hoạt động của hội chủ yếu là thăm hỏi, chia sẻ tình cảm và giúp đỡ lẫn nhau lúc ốm đau, rủi ro ... Với qui mô, mạng lưới tổ chức, địa bàn hoạt động rất nhỏ và hẹp như vậy, nên các Tổ chức xã hội tự nguyện không thể có những đóng góp lớn và mang tính *“đột phá”* đối với sự phát triển cộng đồng và quản lý cộng đồng xã hội ở vùng nông thôn.

2.2.3. Các nguồn lực rất nhỏ, thiếu và yếu

Trên thực tế, đa số các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn hiện nay đều đang gặp rất nhiều hạn chế, khó khăn, thách thức trong việc huy động và quản lý các nguồn lực trên.

Về nguồn lực con người: Các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn thường có số lượng các thành viên tham gia ít, phạm vi hoạt động nhỏ. Những thành viên của các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn hiện nay thường là những người có nhiệt tình, có sức khỏe, có trách nhiệm, và họ thường tham gia các hoạt động xã hội dựa trên kinh nghiệm tự tích lũy được trong thực tế. Nhưng họ không được đào tạo những kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng để làm *“công tác xã*

hội” một cách cơ bản và hệ thống. Đó là một hạn chế/rào cản rất lớn về năng lực và hiệu quả tham gia vào các hoạt động xã hội. Thực tế đã cho thấy rất rõ là ở khu vực nông thôn Việt Nam hiện nay, đang thiếu hẳn một hệ thống những người làm **“công tác xã hội”** chuyên nghiệp. Chính vì vậy, khó có thể đòi hỏi các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn phải có nhiều hơn những đóng góp vào quá trình phát triển và quản lý xã hội được, trong khi chưa xây dựng được một hệ thống những người làm **“công tác xã hội”** theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại.

Về nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất: Các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn hiện nay thiếu nguồn lực tài chính và vật chất để có thể trang trải những chi phí cần thiết cho các hoạt động của Tổ chức. Thậm chí có Tổ chức xã hội tự nguyện khi mới thành lập còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế về trang thiết bị, cơ sở vật chất để có một chỗ làm việc ổn định. v.v..., đây là một yếu tố hạn chế, khó khăn, thách thức lớn nhất của các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn hiện nay

2.2.4. Sự “bất bình đẳng” giữa các Tổ chức xã hội tự nguyện và các Tổ chức chính trị - xã hội ở cộng đồng nông thôn

	Các Tổ chức chính trị - Xã hội	Các Tổ chức xã hội tự nguyện
Quyết định thành lập	<i>Do Nhà nước ra quyết định và thành lập chính thức.</i>	<i>Do các cá nhân tự nguyện thành lập, thường là “phi chính thức”</i>
Số lượng và chất lượng thành viên	<i>Rất đông đảo và rất lớn. Các thành viên có nhiều cơ hội được tham gia vào các hoạt động chính trị – xã hội, và được nâng cao trình độ, năng lực và kinh nghiệm nghề nghiệp</i>	<i>Không đông đảo và số lượng ít. Các thành viên không có hoặc có rất ít cơ hội được tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội, và không có cơ hội được nâng cao trình độ, năng lực và kinh nghiệm nghề nghiệp</i>
Qui mô tổ chức	<i>Rất lớn, có hệ thống tổ chức theo các cấp từ Trung ương → Tỉnh/thành phố → Huyện/Quận → Xã/phường/thị trấn.</i>	<i>Rất nhỏ, thường có phổ biến ở cấp cộng đồng (thôn/bản/ấp). Tùy theo từng loại hình Tổ chức xã hội mà có thể có qui mô tổ chức lớn hơn (xã/phường; Huyện/Quận, Tỉnh/Thành phố và Toàn quốc)</i>

Phạm vi hoạt động	Rất rộng, theo hệ thống các cấp từ Trung ương → Tỉnh/thành phố → Huyện/Quận → Xã/phường/thị trấn.	Rất nhỏ hẹp, thường có phổ biến ở cấp cộng đồng (thôn/bản/ấp). Tùy theo từng loại hình Tổ chức xã hội mà có thể có qui mô tổ chức lớn hơn (xã/phường; Huyện/Quận, Tỉnh/Thành phố và Toàn quốc)
Nguồn lực con người	Có nhiều người có trình độ, có năng lực, có nhiều mối quan hệ xã hội và có khả năng đóng góp vào các hoạt động của Tổ chức.	Có ít người có đủ trình độ, có năng lực, có nhiều mối quan hệ xã hội và có khả năng đóng góp vào các hoạt động của Tổ chức.
Nguồn lực tài chính	Nguồn vốn, quỹ và tiền khá dồi dào, được huy động (thường là bắt buộc) từ các thành viên, được sự hỗ trợ rất lớn từ Nhà nước, sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp, cơ sở dịch vụ, kinh doanh và cá nhân đóng góp.	Nguồn vốn, quỹ, tiền rất hạn hẹp và nhỏ, được huy động từ sự đóng góp tự nguyện của các thành viên, sự hỗ trợ và giúp đỡ (không bắt buộc) của các cá nhân, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và dịch vụ, có thể có một chút hỗ trợ từ phía Nhà nước.
Nguồn lực vật chất	Được Nhà nước cấp, hoặc cho mượn khá đầy đủ các trang thiết bị, cơ sở vật chất, trụ sở v.v...	Hầu như không được hỗ trợ từ phía Nhà nước. Thiếu thốn rất nhiều về trang thiết bị, cơ sở vật chất, trụ sở làm việc ... Chủ yếu dựa vào sự đóng góp, sự hỗ trợ hảo tâm từ các cá nhân, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ... và có thể có rất ít từ sự hỗ trợ của Nhà nước.

Những “bất bình đẳng” chủ yếu trên giữa các Tổ chức chính trị - xã hội và các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn hiện nay, là một nguyên nhân cơ bản khác dẫn đến những hạn chế, khó khăn về vai trò và sự đóng góp của các Tổ chức xã hội tự nguyện vào sự phát triển và quản lý xã hội nói chung ở nông thôn, nhất là ở những vùng nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa.

2.2.5. Sự “quan liêu hóa” ở một số Tổ chức xã hội tự nguyện

Quá trình “quan liêu hóa” diễn ra trong một số Tổ chức xã hội tự nguyện, nhất là các Tổ chức xã hội tự nguyện có qui mô và phạm vi hoạt động lớn (toàn quốc), có số lượng đông đảo thành viên, có nhiều các hoạt động gắn liền với những nhiệm vụ chính trị chung của đất nước và của cộng đồng, và đóng góp nhiều cho sự phát triển và quản lý xã hội....

Hội Người cao tuổi Việt Nam: được thành lập trên cơ sở hoạt động của Hội Bảo thọ ở các cộng đồng cấp thôn/làng/bản, và cấp xã/phường. Sau một thời gian dài và thông qua nhiều hoạt động của mình, Hội Bảo thọ đã được chính quyền (các cấp) thừa nhận vai trò và những đóng góp to lớn, quan trọng vào quá trình thực hiện những nhiệm vụ chính trị của địa phương. Chính vì vậy, Hội Bảo Thọ được Nhà nước hợp thức hóa bằng việc chính thức ra quyết định thành lập Hội Người cao tuổi Việt Nam, có qui mô toàn quốc, có hệ thống tổ chức từ Trung ương xuống cơ sở (xã/phường). Nhà nước đầu tư và hỗ trợ cho các hoạt động của Hội Người cao tuổi Việt Nam ngày càng tăng. Tuy vậy, trong các hoạt động của hội Người cao tuổi đã và đang dần dần bị “quan liêu hóa” theo mô hình chính quyền Nhà nước: Hệ thống tổ chức được thành lập giống như các cấp của chính quyền từ Trung ương xuống cơ sở. Qui mô và tính chất hoạt động thường theo hướng phục vụ các mục tiêu chính trị của chính quyền các cấp đề ra cho từng thời kỳ. Nguồn đầu tư được Nhà nước hỗ trợ và cấp cho Hội hoạt động ngày càng tăng, nhất là những người lãnh đạo của các tổ chức hội các cấp đều được hưởng lương hoặc phụ cấp trách nhiệm từ Ngân sách nhà nước. Cách thức quản lý về hành chính, tài chính ... đều tuân theo các qui định của Nhà nước. Thậm chí việc bầu bộ máy lãnh đạo cũng phải theo sự chỉ đạo của hệ thống chính quyền Nhà nước. v.v...

Hội Khuyến học Việt Nam: được thành lập trên cơ sở hoạt động của các hội khuyến học ở các dòng họ, hay ở các thôn/làng/bản/ấp hoặc ở xã/phường trước đây, nhằm khuyến khích, đẩy mạnh và phát triển sự nghiệp giáo dục ở các cộng đồng. Sau này hội mở rộng thêm các hoạt động khác gắn với nhiệm vụ chính trị của chính quyền địa phương ngày càng nhiều hơn. Vai trò và những đóng góp tích cực, có hiệu quả to lớn của Hội Khuyến học đã được chính quyền các cấp thừa nhận. Trên cơ sở đó, Nhà nước chính thức ra quyết định thành lập Hội Khuyến học Việt Nam và thực hiện gia tăng đầu tư, mở rộng hệ thống tổ chức và mở rộng các mục tiêu hoạt động nhằm phục vụ các nhiệm vụ chính trị lớn của

chính quyền địa phương. Hội Khuyến học Việt Nam cũng đã và đang dần dần bị “*quan liêu hóa*”: Hệ thống tổ chức được hình thành theo mô hình hành chính các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Nhà nước gia tăng dần đầu tư về các nguồn lực cho Hội Khuyến học Việt Nam và đồng thời hướng dẫn các hoạt động của Hội để nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của chính quyền địa phương các cấp.

2.3. Triển vọng phát triển

* **Thứ nhất:** Trong Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn đang diễn ra quá trình đa dạng hóa và mở rộng dần dần các mục tiêu và các hoạt động, trên cơ sở thu hút thêm các thành viên, mở rộng hệ thống tổ chức, mạng lưới và phạm vi hoạt động, huy động thêm các nguồn lực (con người, tài chính, vật chất) ... Đây là xu hướng phát triển tất yếu và bền vững của các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn nói chung. Xu hướng này cho phép các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn ngày càng nâng cao hơn nữa vai trò, vị trí và có nhiều đóng góp hiệu quả, thiết thực hơn vào sự phát triển và quản lý xã hội ở nông thôn hiện nay.

* **Thứ hai:** Thành lập/hình thành thêm các Tổ chức xã hội tự nguyện mới ở cộng đồng nông thôn, dựa trên cơ sở các điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa cụ thể của từng địa phương, và căn cứ trên các nguyên tắc, các mục tiêu, các hoạt động, hệ thống tổ chức và mạng lưới, các nguồn lực ... nhằm đáp ứng, hoặc giải quyết các nhu cầu mới do thực tiễn đời sống cộng đồng đặt ra trong quá trình phát triển và quản lý xã hội nông thôn nói chung.

* **Thứ ba:** Kết hợp, liên kết, hợp tác giữa các Tổ chức xã hội tự nguyện ở cộng đồng nông thôn với nhau, trên cơ sở có chung hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau về mục tiêu hoạt động, lĩnh vực hoạt động và những lợi ích khác ... để nâng cao hơn vai trò, vị trí và những đóng góp cho sự phát triển và quản lý xã hội nói chung.

* **Thứ tư:** Hợp tác, liên kết, phối hợp giữa các Tổ chức xã hội tự nguyện với các Tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền ở cộng đồng nông thôn để có thêm hoặc gia tăng sức mạnh về hệ thống tổ chức, các nguồn lực (con người, tài chính, vật chất), về các hoạt động nhằm đạt được hiệu quả tốt hơn, nhiều hơn cho sự phát triển và quản lý xã hội ở cộng đồng nông thôn hiện nay.

Tài liệu tham khảo**A. Tiếng Việt**

1. Dương Chí Thiện, (2004). *Khuyến học - Tiến tới xây dựng một xã hội học tập*. Báo cáo Đề tài cấp Bộ 2003. Viện Xã hội học. Hà Nội.
2. Nguyễn Khắc Mai, (1996). *Vị trí, vai trò các hiệp hội quần chúng ở nước ta*. Nxb. Lao động, Hà Nội.
3. Phòng Phúc lợi xã hội và Phòng QLKH&ĐT. (2006). *Các Tổ chức xã hội tự nguyện và an sinh xã hội ở nông thôn Việt Nam - Khởi thảo cho một nghiên cứu*. Báo cáo đề tài cấp Viện năm 2006. Viện Xã hội học. Hà Nội.
4. Phòng Phúc lợi xã hội. (2008). *Báo cáo đề tài cấp Viện năm 2008*. Viện Xã hội học, Hà Nội.
5. Thang Văn Phúc (chủ biên). (2002). *Vai trò của các Hội trong đổi mới và phát triển đất nước*. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự Thật. Hà Nội.
6. Viện Xã hội học. (2009). *Các báo cáo khoa học thực địa thuộc Đề tài “Điều tra cơ bản về tình hình Nông thôn – Nông nghiệp – Nông dân Việt Nam hiện nay”*. Hà Nội.

B. Tiếng Anh

1. Bowling et al. (1991). *Life satisfaction and association with social networks and support variables*.
2. Mark Granovetter, (1973). *The Strength of weak Ties*. *American Journal of Sociology*. Vol.78.1973.
3. Pearlin, (1985). *Social structure and processes of social support*. New York Academic Press, 1985
4. Wenger. (1995). *A Comparison of Urban with rural networks in North Wales*.